HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Th.S. Phạm Thị Phượng*
Th.S. Nguyễn Thị Anh Thư*

Nhận: 29/04/2022
Biên tập: 03/05/2022
Duyệt đăng: 19/05/2022

Tóm tắt

Tổ chức công tác kế toán là một trong các nội dung tổ chức quản lý trong các doanh nghiệp (DN), phải phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý. Trong những năm qua, khung pháp lý về tổ chức công tác kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) luôn được hoàn thiện, đã tạo hành lang pháp lý tương đối thống nhất, thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về tài chính cũng như tổ chức công tác kế toán. Hiện nay, tổ chức công tác kế toán trong DNNVV của cả nước nói chung và của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng, còn nhiều hạn chế. Do đặc điểm của DNNVV có quy mô nhỏ, nhu cầu thông tin kế toán mang tính đặc thù, cá biệt không giống như đối với các DN có quy mô lớn, nhiều nội dung trong tổ chức công tác kế toán còn hạn chế như: tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, việc ghi chép các số liệu phát sinh chưa logic, báo cáo kế toán các DNNVV chưa đáp ứng các yêu cầu thông tin như công nợ, tồn kho… chưa thật sự chú trọng đến tổ chức công tác KTQT, việc ghi nhận, đo lường kế toán thường dựa vào quy định của quản lý thuế, nhiều trường hợp, kế toán được vận dụng như là phương tiện để kê khai thuế theo quy định của Nhà nước, các DN chưa thực sự quan tâm đến vai trò quản lý của kế toán, nên đó cũng là rào cản khi DN muốn tiếp cận với các nguồn lực, đặc biệt là vốn do tính minh bạch bị hạn chế. Chính vì vậy, việc đưa ra các giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là rất cần thiết và cấp bách.

Từ khóa: *tổ chức công tác kế toán, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

Abstract

Organization of accounting work is one of the contents of organization and management in enterprises, which must be suitable to the size, business characteristics as well as management requirements of the enterprise. Over the years, the legal framework on organization of accounting work for small and medium-sized enterprises has always been improved, creating a relatively unified and convenient legal framework for state management of finance and as organization of accounting work in small and medium enterprises. In fact, at present, the organization of accounting work in small and medium enterprises of the country in general and of Ba Ria - Vung Tau province in particular still has many limitations due to the characteristics of small and medium sized enterprises. The demand for accounting information is specific and unique, unlike in large-scale enterprises, many contents in the organization of accounting work are still limited such as: organization of the system of documents, financial statements. accounts, accounting books, the recording of arising data is not logical, the accounting reports of small and medium-sized enterprises have not yet met the information requirements such as liabilities, inventories... have not really paid attention to the organization. In management accounting, the accounting recognition and measurement are often based on the regulations of tax administration. In many cases, accounting is used as a means to declare tax according to the regulations of the State, the Enterprises have not really paid attention to the management role of accounting, so it is also a barrier when enterprises want to access resources, especially capital due to the lack of transparency. limit. Therefore, it is very necessary and urgent to come up with solutions to improve accounting work in small and medium enterprises in Ba Ria - Vung Tau province.

Keywords: *organization of accounting work, small and medium enterprises in Ba Ria - Vung Tau province.*
JEL: *M20, M40, M49, M53.*

1. Đặt vấn đề

Sau 30 năm, nền kinh tế Việt Nam phát triển theo nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho các DN nói chung và các DNNVV nói riêng hình thành và phát triển. Theo số liệu thống kê, các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tính đến năm 2022, 50% DNNVV trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, các DNNVV vẫn còn phát triển tự phát, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết, trình độ quản lý và năng lực tài chính yếu, thị trường nhỏ, và khả năng cạnh tranh thấp, chất lượng công tác kế toán trong quản lý vận

*Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

hành hoạt động kinh doanh của DNNVV còn nhiều hạn chế. Nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, các DNNVV việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là cần thiết. Do vậy, Tác giả đã nghiên cứu các biện pháp để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm và vai trò của DNNVV

Khái niệm DNNVV

DNNVV là những DN có quy mô nhỏ và vừa trong nền kinh tế. Các quốc gia trên thế giới sử dụng hai nhóm tiêu thức phổ biến là tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng, để định nghĩa DNNVV: tiêu chí định tính, dựa trên đặc trưng cơ bản của các DNNVV như chuyên môn hóa thấp, số đầu mối quản lý ít, mức độ phức tạp của quản lý thấp; tiêu chí định lượng, thường gồm các chỉ tiêu về số lao động, tổng giá trị tài sản, doanh thu hoặc lợi nhuận. Mặc dù vậy, tiêu thức xác định DNNVV không giống nhau ở các quốc gia khác nhau. Ngay tại mỗi quốc gia thì các tiêu thức để xác định DNNVV cũng có thể thay đổi, tùy theo trình độ phát triển kinh tế của từng thời kỳ và các ngành nghề khác nhau.

Theo phân loại của ngân hàng thế giới, DNNVV được phân thành 03 loại là DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa. Các tiêu chí để phân loại DNNVV của ngân hàng thế giới chủ yếu dựa vào số lượng lao động bình quân, tài sản và doanh thu hàng năm của DN. Mỗi quốc gia có nền kinh tế khác nhau, theo từng giai đoạn phát triển kinh tế thì quan niệm về DNNVV cũng khác nhau.

Vai trò DNNVV

Trong mọi nền kinh tế, DNNVV góp phần quan trọng, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau.

- Về kinh tế

DNNVV chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu DN của nền kinh tế và có xu thế gia tăng ngày càng mạnh mẽ. Ở các nước công nghiệp phát triển cao như Đức, Nhật Bản, Mỹ, tỷ lệ DNNVV trong tổng số DN chiếm trên 98%; Ở Việt Nam, DNNVV chiếm 98% tổng số DN.

DNNVV giữ vai trò quan trọng, trong việc ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hầu hết, các nền kinh tế DNNVV là vệ tinh của các DN lớn, với lợi thế vốn đầu tư ít những năm qua, DNNVV phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng số DN.

- Về xã hội

DNNVV tạo việc làm, góp phần giải quyết thất nghiệp, xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị - xã hội. Do các DNNVV có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động đa dạng, đặc điểm sản xuất kinh doanh (SXKD) không yêu cầu trình độ cao nên tạo cơ hội việc làm cho nhiều đối tượng lao động ở nhiều vùng miền khác nhau, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế chưa phát triển. Đặc biệt khi nền kinh tế suy thoái, các DN lớn phải sa thải nhân công thì các DNNVV, có thể thích ứng với sự biến động của thị trường, không phải cắt giảm nhân công. Thực tế cho thấy, lao động trong DNNVV chiếm tỷ lệ đáng kể, "ở Đức và Nhật lần lượt là 55% và 70%. DNNVV được coi là xương sống của sự phát triển kinh tế các quốc gia này. Việt Nam, đến năm 2021 đã có gần 16 triệu lao động làm việc trong DNNVV, chiếm tỷ trọng trên 60% tổng số lao động".

2.2. Tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV

Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV

- Tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV cần tuân thủ khung pháp lý về kế toán. Kế toán là một phương tiện để tính toán, xây dựng và kiểm tra việc chấp hành kỷ luật thu chi, thanh toán của nhà nước, điều hành nền kinh tế.

- Tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV cần phải phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động SXKD, tổ chức quản lý trong DNNVV.

- Tổ chức công tác kế toán trong DNNVV đảm bảo cung cấp kịp thời, trung thực, đầy đủ thông tin về tài sản, nguồn vốn, thu chi, lãi/lỗ của hoạt động SXKD theo yêu cầu quản lý.

- Đảm bảo nguyên tắc gọn, nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả và có tính khả thi.

- Tổ chức công tác kế toán phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.

Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán DN là "Xác định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ của các bộ phận, các cá nhân trong tổ chức kế toán, để hoàn thành nhiệm vụ công tác kế toán với chi phí thấp nhất".

Tổ chức nhân sự kế toán

Cùng với việc xác định mô hình tổ chức bộ máy kế toán, DNNVV cần phải xác định số lượng nhân

Sơ đồ 1: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung

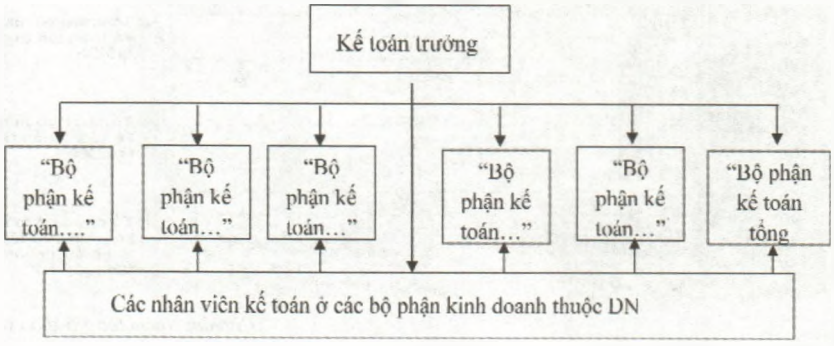

Sơ đồ 2: Khái quát hệ thống thông tin kế toán trong DN

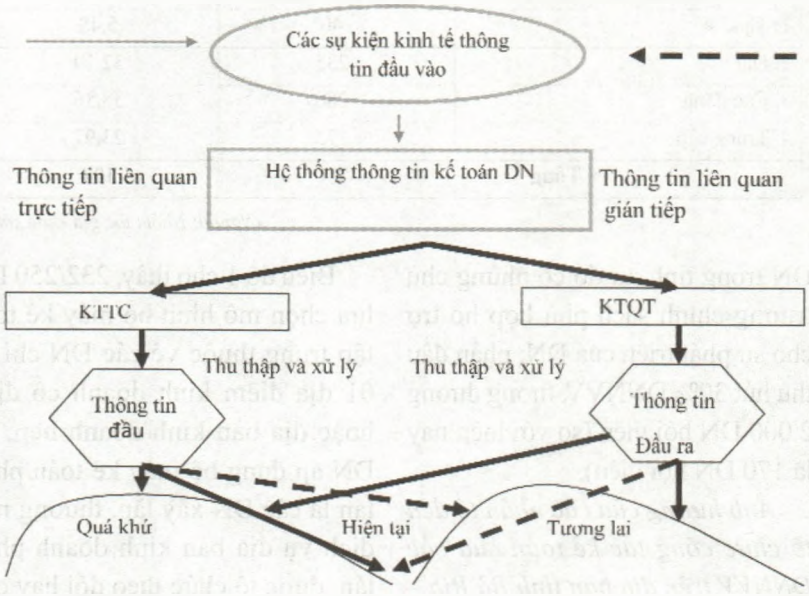

(Nguồn: Hệ thống thông tin kế toán – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)

viên kế toán và tổ chức phân công hợp lý, khoa học nhân sự kế toán. Để xác định số lượng nhân viên kế toán, trước hết tổ chức phân tích quy mô hoạt động SXKD, loại hình, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, chiến lược SXKD, trình độ khoa học kỹ thuật, môi trường kinh doanh, tổ chức sản xuất cũng như quản lý trong DNNVV. Để xác định các phần hành kế toán và khối lượng công việc kế toán cần thực hiện trong DN, qua việc phân tích công việc, lập bản mô tả công việc cho từng chức danh và bộ phận kế toán trong DN.

Tổ chức hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán là hệ thống thu thập, ghi chép, lưu trữ và xử lý số liệu về các nghiệp vụ kinh tế trong mỗi tổ chức, để cung cấp thông tin cho người ra quyết định [78]. Hoạt động SXKD của DN, hàng ngày có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như mua hàng, bán hàng, thu tiền, chi tiền, bán chịu, nhập và xuất nguyên vật liệu cho sản xuất... Các nghiệp vụ này được hệ thống thông tin kế toán phân tích, ghi chép và lưu trữ (chứng từ, sổ, thẻ, bảng…). Khi người sử dụng có yêu cầu (người quản lý DN, người có lợi ích trực tiếp và gián tiếp từ hoạt động của DN), hệ thống thông tin kế toán sẽ từ các ghi chép đã lưu trữ mà phân tích, tổng hợp và lập các báo cáo thích hợp như báo cáo kế toán tài chính (KTTC), kế toán quản trị (KTQT) cung cấp cho người sử dụng.

Tổ chức phân tích thông tin KTQT

Tổ chức phân tích thông tin KTQT để kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả quản lý ở các bộ phận, giúp nhà quản lý ra các quyết định phù hợp. Do vậy, tổ chức phân tích thông tin KTQT trong DN gồm hai nội dung chủ yếu là phân tích biến động chi phí, phân tích quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận.

Tổ chức thông tin phục vụ các quyết định đặc biệt

Quyết định ngắn hạn thường liên quan đến một kỳ kế toán hoặc trong thời hạn dưới một năm. Các quyết định ngắn hạn phát sinh thường xuyên trong quá trình SXKD của DN như, chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng, tiếp tục hay chấm dứt SXKD của một bộ phận, tự SX hay mua ngoài, bán ngay nửa thành phẩm hay sản xuất thành phẩm, quyết định trong điều kiện năng lực SXKD bị giới hạn, xác định giá bán sản phẩm.

Đặc điểm tổ chức SXKD và tổ chức bộ máy quản lý của DN

3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp hệ thống hóa, phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích số liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Quá trình hình thành và phát triển DNNVV

Về phía tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cùng với quá trình phát triển kinh tế, số lượng và quy mô của các DN thuộc các thành phần kinh tế trong tỉnh trong những năm gần đây ngày càng phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 10/2021, toàn tỉnh có 14.617 DN còn đăng ký hoạt động, trong đó có 9.406 DN đang thực tế hoạt động, chủ yếu là các DNNVV chiếm khoảng 98%. Riêng số lượng DN được thành lập dưới 05 năm, tính đến tháng 10/2021, toàn tỉnh có 6.021 DN còn đăng ký hoạt động, trong đó có 4.820 DN thực tế hoạt động, về DN khởi nghiệp sáng tạo (là DN được thành lập trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh) trên cả nước theo số liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ hiện có khoảng 3.000 DN khởi nghiệp sáng tạo, tăng gần 02 lần so với năm 2018; trên địa bàn tỉnh ước tính có khoảng 100 DN khởi nghiệp sáng tạo và những năm gần đây loại hình DN này tăng nhanh hơn.

Trong nhiệm kỳ 2017 - 2022, Hiệp hội đề ra mục tiêu "Liên kết – Hội nhập – Phát triển" để xây dựng lực lượng DNNVV của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững; đồng thời giữ vai trò kết nối DN, đưa ra các chuẩn mực kinh doanh phù hợp với yêu cầu của các thị trường và đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực cho DN; tiếp tục là cầu nối để lãnh đạo tỉnh nắm bắt được tình hình hoạt động của cộng đồng DN trong tỉnh, từ đó có những chủ trương chính sách phù hợp hỗ trợ cho sự phát triển của DN; phấn đấu thu hút 30% DNNVV, tương đương 2.000 DN hội viên (so với hiện nay là 170 DN hội viên).

Biểu đồ 1

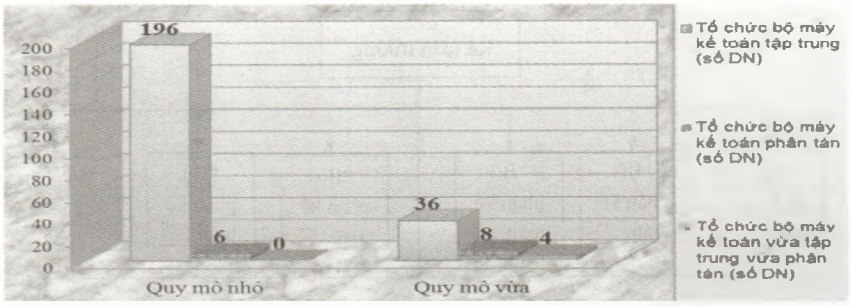

(Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát)

Bảng 1

Trình độ chuyên môn đào tạo	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1. Thạc sĩ	40	5,48
2. Đại học	235	32,19
3. Cao đẳng	280	38,36
4. Trung cấp	175	23,97
Tổng	**730**	**100**

(Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát)

Ảnh hưởng của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Nhân tố khách quan: môi trường pháp lý về kế toán; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán; đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

- Nhân tố chủ quan: nhận thức của chủ DN; quy mô của DN; yêu cầu quản lý DN; năng lực của kế toán viên; đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của DN.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các DNNVV

Căn cứ vào quy mô SXKD, đặc điểm ngành nghề kinh doanh cụ thể mà các DN lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán thích hợp.

Biểu đồ 1 cho thấy, 232/250 DN lựa chọn mô hình bộ máy kế toán tập trung thuộc về các DN chỉ có 01 địa điểm kinh doanh cố định hoặc địa bàn kinh doanh hẹp, 14 DN áp dụng bộ máy kế toán phân tán là các DN xây lắp, thương mại dịch vụ địa bàn kinh doanh phân tán, được tổ chức theo đội hay cửa hàng, 04 DN áp dụng bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán, cũng tập trung vào các DN thuộc lĩnh vực xây dựng, kinh doanh thương mại có nhiều địa điểm kinh doanh khác nhau.

Tổ chức nhân sự kế toán

Tổng số nhân viên kế toán của 250 DN là 730 người; nhân viên có trình độ cao đẳng tỷ trọng cao nhất 38,36%, đại học 32,19%, trung cấp 23,97%, thạc sĩ 5,48% chủ yếu là kế toán trưởng và kế toán tổng hợp ở các DN có quy mô vừa. Như vậy, về tiêu chuẩn trình độ nhân viên kế toán của các DNNVV trên địa bàn tỉnh, đáp ứng được yêu cầu (Bảng 1).

4.2. Thực trạng tổ chức thông tin kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tổ chức xác định yêu cầu thông tin

- Thứ nhất, về thông tin KTTC: thông tin KTTC phục vụ các đối tượng sử dụng thông tin kế toán bên ngoài DN, qua hệ thống các chỉ tiêu trong các báo cáo tài chính theo quy định. Số liệu khảo sát tổng hợp theo quy mô của DN, trong Biểu đồ 2, cho thấy, tất cả các DNNVV trong các lĩnh vực đối tượng để tổ chức xác định nhu cầu thông tin là cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thuế, với nhà đầu tư, DN quy mô vừa có nhu cầu 62,5%, quy mô nhỏ 5%, với ngân hàng, DN quy mô vừa có nhu cầu 100%, quy mô nhỏ có nhu cầu 65,35%, với nhà cung cấp, DN quy mô vừa có nhu cầu 52,1%, quy mô nhỏ có nhu cầu 2,48%.

- Thứ hai, về thông tin KTQT: thông tin KTQT đáp ứng nhu cầu ra quyết định quản trị trong DN, do vậy tác giả tổng hợp thành 02 nhóm DN quy mô nhỏ và quy mô vừa theo lĩnh vực SXKD, hình bên dưới cho thấy, nhu cầu sử dụng thông tin KTQT có sự khác biệt, cụ thể: DN quy mô vừa lĩnh vực CN&XD có 45,46%, TM&DV có 24%, NLTS không có, DN quy mô nhỏ, CN&XD có 12,7%, TM&DV có 8%, NLTS không có DN nào (Biểu đồ 3).

- Thứ ba, về tổ chức quá trình luân chuyển chứng từ: thực trạng tổ chức kiểm tra chứng từ kế toán, kết quả khảo sát có 36% DN chưa tổ chức đầy đủ công tác kiểm tra chứng từ, ở một số DN kiểm tra lần đầu chứng từ kế toán của người làm kế toán còn hạn chế; tổ chức luân chuyển chứng từ, các DN đều tổ chức xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ, tuy nhiên khi phỏng vấn sâu thì tất cả các DN chưa được thực hiện bài bản khoa học đầy đủ, cơ bản chỉ là những quy ước bằng lời chưa được cụ thể hóa bằng những quy trình cụ thể; tổ chức xử lý chứng từ để ghi sổ kế toán, có 74% DN phân loại chứng từ theo tiêu thức mức độ phản ánh trên chứng từ (chứng từ ban đầu và chứng từ tổng hợp).

- Thứ tư, về tổ chức lưu trữ chứng từ kế toán: chứng từ kế toán ở các DNNVV được đánh số theo thứ tự và đóng thành từng tập theo tháng, do phòng kế toán của DN cất giữ. Sau khi BCTC được xét duyệt, toàn bộ chứng từ được phòng kế toán đưa vào lưu trữ tại kho lưu trữ của DN trong thời hạn quy định, chỉ có một số ít DN có kho lưu trữ tư liệu còn phần nhiều các DN thường lưu trữ tại phòng kế toán của DN.

Biểu đồ 2: Đối tượng bên ngoài sử dụng thông tin KTTC của các DNNVV

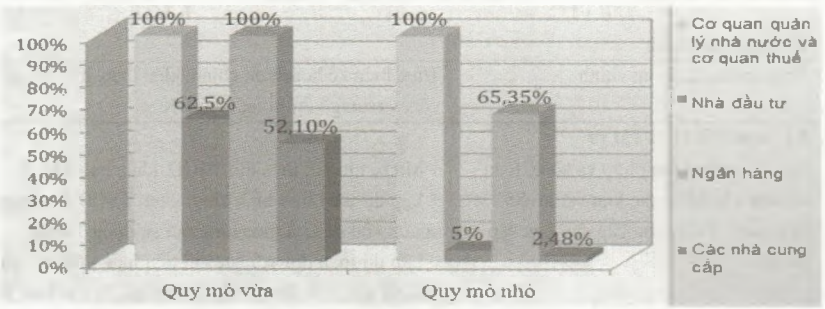

(Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát)

Biểu đồ 3

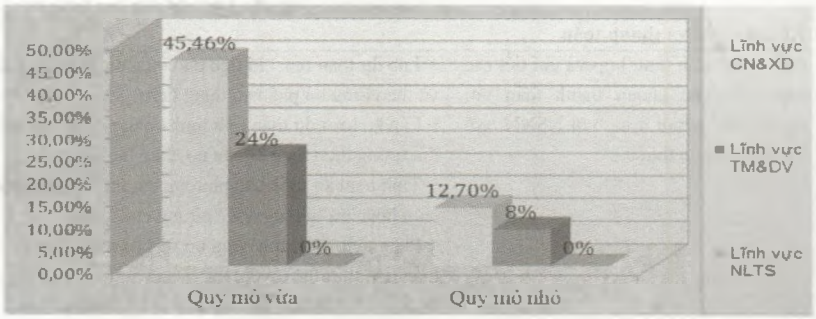

(Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát)

Đặc điểm hoạt động kinh doanh của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Về lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh hoạt động trong lĩnh vực SXCN và xây dựng chiếm 48,39% tập trung vào các ngành cơ khí, điện tử và gia công kim loại, chế biến nông - lâm sản thực phẩm, dệt, may mặc, giày da, hóa chất, điện nước, SX vật liệu xây dựng đây là lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh đang được đầu tư phát triển đúng hướng và phát huy có hiệu quả; thương mại dịch vụ chiếm 42,67%; nông, lâm thủy sản chiếm 8,94%.

Trình độ chuyên môn, kỹ thuật của đội ngũ lao động

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao đẳng trở lên trên địa bàn tỉnh là 22.718 người với ngành nghề đào tạo khá đa dạng, phân bổ ở hầu hết các ngành

Bảng 2

KTTC	KTQT
Bộ phận tài chính	
Thực hiện chế độ tài chính	Thực hiện kế hoạch tài chính, khai thác, huy động vốn, sử dụng vốn trong toàn DN
Kế toán TSCĐ và vật tư	
Ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết TSCĐ và các loại vật tư. Số liệu của KTTC cung cấp cho việc lập BCTC.	+ Mở sổ chi tiết theo dõi TSCĐ, khấu hao TSCĐ. + Lập dự toán tình hình tăng, giảm TSCĐ theo từng nguồn vốn đầu tư, theo từng nơi sử dụng TSCĐ. + Lập dự toán đối với các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng TSCĐ, chỉ tiêu doanh thu trên TSCĐ, chỉ tiêu lợi nhuận trên TSCĐ + Phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ đã được dự toán. + Cung cấp số liệu cho việc lập báo cáo quản trị
Kế toán tiền và thanh toán	
Ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết các loại tiền, các khoản thanh toán với người bán, người mua, với NSNN, với các đơn vị phụ thuộc	+ Lập dự toán thu, chi tiền cho mục đích khác nhau và theo từng bộ phận sử dụng tiền; + Lập kế toán dự toán tình hình công nợ đối với từng đối tượng theo từng khoản nợ, theo thời hạn nợ; + Tính toán so sánh các phương án, trả vay mua bán chịu hoặc trả tiền ngay để hưởng chiết khấu; + Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán tiền thường xuyên; + Cung cấp số liệu cho lập báo cáo quản trị về các chỉ tiêu công nợ và thanh toán
Kế toán chi phí và giá thành	
Ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết chi phí SXKD, tính giá thành sản phẩm theo loại sản phẩm… Nhằm cung cấp các số liệu tổng hợp phục vụ cho việc lập BCTC và các chỉ tiêu chi phí và giá thành	+ Lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí, lập dự toán chi phí SXKD theo sản phẩm, chi tiết. + Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu chuẩn phân loại phù hợp với yêu cầu quản trị. + Lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ chi phí và tính toán phân bổ chi phí các đối tượng chịu chi phí. + Lập kế hoạch giá thành theo công việc, theo địa điểm kinh doanh… + Mở sổ kế toán thu thập, ghi chép cụ thể, chi tiết các số liệu liên quan đến tính toán giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị
Kế toán nguồn vốn, quỹ	
Ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết nguồn vốn, các quỹ của DN và cung cấp số liệu tổng hợp để lập BCTC về các chỉ tiêu này	+ Lập dự toán về sử dụng nguồn vốn quỹ. + Tính toán các chỉ tiêu quản trị như tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất tài trợ, chỉ tiêu doanh thu trên nguồn vốn chủ sở hữu, lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu… + Phân tích các chỉ tiêu thuộc nguồn vốn, quỹ để sử dụng hiệu quả nguồn vốn, quỹ của DN. + Cung cấp số liệu cho việc lập báo cáo quản trị về các chỉ tiêu quản trị nguồn vốn, quỹ
Kế toán tổng hợp và kiểm tra	
KTTC trên cơ sở tổng hợp số liệu, tài liệu từ các bộ phận kế toán có liên quan và thực hiện ghi chép kế toán tổng hợp và chi tiết các phần hành KTTC còn lại để lập báo cáo tài chính	KTQT ở bộ phận này có nhiệm vụ thực hiện các công việc còn lại theo yêu cầu quản lý của DN; căn cứ số liệu, tài liệu đã thu nhận được của các bộ phận KTQT khác gửi đến để lập các báo cáo KTQT Bộ phận kiểm tra kế toán sẽ lập kế hoạch kiểm tra, trực tiếp kiểm tra tất cả các phần hành kế toán (kiểm tra thực hiện Luật Kế toán, lập xử lý chứng từ, vận dụng tài khoản, sổ sách, tổ chức lãnh đạo công tác kế toán,…)

(Nguồn: Giáo trình Kế toán quản trị Trường Đại học Kinh tế TP. HCM - NXB Kinh tế)

của tỉnh, tuổi đời trung bình tương đối trẻ (42,8 tuổi); Trong đó cao đẳng 10.055 người (44,26%); đại học 12.508 người (55,5%); thạc sĩ 129 người (0,56%) và tiến sĩ 26 người (0,13%). Tuy nhiên, cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo chưa hợp lý. Tỷ lệ đào tạo có cơ cấu: Công nhân kỹ thuật - trung học chuyên nghiệp - đại học, cao đẳng mới đạt 4,4 - 1 - 1,1 (tỷ lệ này ở một số nước ở giai đoạn đầu CNH khoảng 10-3-1).

Trình độ quản lý của các chủ DN

Đội ngũ doanh nhân ở tỉnh Bà rịa – Vũng Tàu là những người có kinh nghiệm, có nghị lực, mạo hiểm, năng động trong hoạt động SXKD. 100% giám đốc DNNVV do trung ương quản lý có trình độ đại học, 100% DNNN do địa phương quản lý có trình độ trung cấp trở lên, trong đó hầu hết là có bằng đại học. Nhìn chung, tỷ lệ chủ DN có trình độ đại học chiếm 1/3 trong tổng số các DN trên địa bàn tỉnh. Loại hình DN tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần có tỷ lệ chủ DN đạt trình độ đại học, từ 20,73% đến 56,25%. Tuy nhiên, trình độ quản lý DN và kiến thức pháp luật của chủ cơ sở SXKD trong khu vực kinh tế tư nhân còn nhiều bất cập, ảnh hưởng đến kết quả SXKD, chấp hành luật pháp và thực hiện chính sách đối với người lao động. Đa số các chủ DN chưa được đào tạo bài bản về quản trị DN, kỹ năng lãnh đạo DN... chuyên môn nghiệp vụ cần thiết. Việc quản lý DN chủ yếu bằng kinh nghiệm, kiến thức thị trường hiện đại còn hạn chế, nên còn bị động, lúng túng trong việc đối phó với biến động của thị trường.

Về phân bố DN

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh phân bổ vẫn mang tính tự phát, không đồng đều giữa nông thôn và thành thị, giữa miền núi và đồng bằng. Các DN chủ yếu tập trung ở đô thị, nơi có điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng. Sự mất cân đối trong phân bổ DNNVV, một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn; mặt khác, sẽ hạn chế vai trò và tác dụng của DNNVV trong việc khai thác các tiềm năng về vốn, đất đai, lao động... cho đầu tư phát triển. Điều đó cho thấy, hạn chế của quản lý Nhà nước, sức hút của các cơ chế chính sách chưa đủ hấp dẫn, để các chủ DN đầu tư SXKD ở khu vực này.

Về hạ tầng kinh tế kỹ thuật

Trong những năm gần đây, hạ tầng kinh tế kỹ thuật của tỉnh Bà rịa – Vũng Tàu đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu và thiếu như điện, thông tin liên lạc... Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nhiều DN còn thấp kém, công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ, thô sơ, đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động và kết quả SXKD của DN.

4.3. Một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán

- Thứ nhất, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kế toán: để tổ chức bộ máy kế toán vừa phát huy được khả năng của các bộ phận khác nhau trong DN, chuyên môn hóa trong công việc như xây dựng định mức, dự toán… vừa tổ chức được hệ thống thông tin KTQT có hệ thống phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị thì việc tổ chức nhân sự thực hiện công việc KTQT ở bộ phận kế toán của DN như hiện nay là không phù hợp, tác giả đề xuất mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình hỗn hợp (đối với DN có nhiều cơ sở hoạt động xa đơn vị chính và trình độ kế toán viên tốt hơn thì có thể chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán hỗn hợp hoặc mô hình kết hợp vừa tập trung vừa phân tán hỗn hợp), hai bộ phận KTTC và KTQT được bố trí thực hiện chức năng của mình trong bộ phận kế toán như mô hình kết hợp.

- Thứ hai, tổ chức xác định số lượng phần hành kế toán trong DN:

+ Đối với DN quy mô vừa, bộ phận kế toán của DN có thể thực hiện các phần hành KTTC và KTQT cụ thể như Bảng 2.

+ Đối với DN quy mô nhỏ, bộ phận kế toán của DN được thực hiện tinh gọn hơn có thể tổ chức các phần hành kế toán như sau:

+ + Kế toán tổng hợp và kiểm tra sẽ kiêm công tác kế toán về vật tư, thanh toán với người bán, kế toán bán hàng, thanh toán với người mua, TSCĐ và XDCB, vì XDCB thường đi đôi với TSCĐ và trong thực tế tại các DN nhỏ, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến TSCĐ và XDCB là rất ít, thậm chí có năm không có.

+ + Kế toán chi phí, giá thành kiêm kế toán tiền lương, vì khi tính lương và các khoản khác có liên quan đến tiền lương là cơ sở để hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Đồng thời, công tác hạch toán tiền lương thường chỉ tiến hành ở những ngày đầu tháng, trong khi công tác tính giá thành thường tiến hành ở những ngày cuối tháng hoặc cuối quí, nên kế toán chi phí, giá thành kiêm kế toán tiền lương là hợp lý.

+ + Kế toán vốn bằng tiền không nên ghép với phần hành khác, vì các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền thường phát sinh nhiều và phần hành kế toán khác đều có quan hệ mật thiết với phần hành này nên không ghép lại với nhau để dễ kiểm soát.

Hoàn thiện tổ chức xây dựng bản mô tả công việc kế toán

Một trong các hạn chế của DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là chưa xây dựng hoàn chỉnh bản mô tả công việc và tiêu chuẩn thực hiện công việc kế toán, đây là cơ sở quan trọng để bố trí nhân sự kế toán phù hợp, đồng thời là cơ sở để tổ chức kiểm tra giám sát, sự tuân thủ các quy trình thực hiện các nghiệp vụ kế toán đảm bảo tính khoa học, chính xác, cũng như tính chuyên nghiệp trong công tác kế toán của kế toán viên, nâng cao chất lượng và hiệu suất công việc, cũng như để lựa chọn, tuyển dụng, tổ chức đào tạo kế toán viên, đáp ứng yêu cầu công việc. Vì vậy, các DNNVV cần tổ chức xây dựng chi tiết công việc và xác định trách nhiệm, tiêu chuẩn cho từng kế toán viên về công việc các nhân viên đó đang phụ trách, khi đã gắn rõ trách nhiệm, từng thành viên sẽ phải cố gắng trong công việc được phân công, qua đó giúp cho kế toán viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Xem tiếp trang 121

KSNB mà còn mở rộng nghiên cứu, xem xét mối quan hệ giữa cấu trúc KSNB với tính hữu hiệu KSNB.

Tóm lại

Kết quả nghiên cứu phân tích mô hình cấu trúc SEM, kết quả nghiên cứu đã phát hiện có sự tác động tích cực và kiểm định có ý nghĩa thống kê các nhân tố CNTT đến cấu trúc KSNB và ảnh hưởng cấu trúc KSNB đến tính hữu hiệu KSNB của các DN BHPNT tại Việt Nam. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất sau: (i) lựa chọn áp dụng các gói phần mềm vào các khâu quản lý và kiểm soát, tùy theo điều kiện và nguồn lực của DN; (ii) xây dựng tháp dữ liệu tập trung để đồng bộ hóa dữ liệu các khâu, các bộ phận và các đại lý chi nhánh; (iii) triển khai các phần mềm bán hàng trực tuyến, thực hiện các chốt kiểm soát tự động. Từ đó, nhà quản trị tập trung vào các chốt kiểm soát chiến lược; (iv) xây dựng nguồn lực CNTT đủ mạnh để tiếp nhận chuyển giao công nghệ và tiến tới thiết kế vận hành và triển khai, sao cho phù hợp đặc thù DN BHPNT.■

Tài liệu tham khảo

1. Alles, M. G., Kogan, A., & Vasarhelyi, M. A, (2002), 'Feasibility and economics of continuous assurance', Auditing: A Journal of Practice & Theory, 21(1), 125-138.

2. Bharadwaj, A. S, (2000), 'A resource-based perspective on information technology capability and firm performance: an empirical investigation', MIS quarterly, 169-196.

3. Hồ Tuấn Vũ, (2016), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống KSNB trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

4. Jokipii, A, (2010), Determinants and consequences of internal control in firms: a contingency theory based analysis. Journal of Management & Governance, 14(2), 115-144.

5. Morris, J. J, (2011), 'The impact of enterprise resource planning (ERP) systems on the effectiveness of internal controls over financial reporting', Journal of Information Systems, 25(1), 129-157

6. Nguyễn Thị Hoàng Lan, (2019), Đánh giá tác động của cấu trúc KSNB đến sự hữu hiệu của KSNB trong các đơn vị sự nghiệp công lập Việt Nam. Luận án Tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

7. Fauzi, H., Hussain, M. M., & Mahoney, L, (2009), 'Management control systems and contextual variables in the hospitality industry', Management Accounting Journal, 6(2), 21-23

8. Sultana, R., & Haque, M. E, (2011), 'Evaluation of Internal Control Structure: Evidence from Six Listed Banks in Bangladesh', University Review, 5(1), 69-81.

Tiếp theo trang 103

Kết luận

Sự phát triển DN nói chung, DNNVV trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng, đã và đang được tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng như toàn xã hội quan tâm. DNNVV phát triển đã khẳng định vị trí, vai trò đối với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tăng cường công tác quản lý các DNNVV thông qua việc sử dụng công cụ kế toán là cần thiết khách quan. Do vậy, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV trên địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu là vấn đề đã và đang được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý quan tâm cả về lý luận và thực tiễn.

Tổ chức công tác kế toán trong DNNVV của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là vấn đề phức tạp, cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để đáp ứng yêu cầu quản lý.■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính, (2014), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ban hành chế độ kế toán DN.

2. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Niên giám thống kê, (2019, 2020, 2021).

3. GS.TS. Ngô Thế Chi, PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ, (2014), Giáo trình Phân tích tài chính DN. NXB Tài chính.

4. Nguyễn Thu Hương, (2016), Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các DN hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thuộc Bộ Quốc phòng, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.

5. Phạm Hoài Nam, (2016), Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các DN sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài chính.

6. PGS.TS. Nguyễn Văn Công, (2009), Giáo trình Phân tích kinh doanh. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

7. TS. Phạm Văn Dược, (2008), Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.